

Số: /QĐ-HVHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bổ chỉ tiêu cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy học năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HVHK ngày 08/08/2022 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-HVHK ngày 31/08/2022 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập tại Học viện hàng không Việt Nam;

Căn cứ tờ trình ngày 12/06/2023 của Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên về việc phân bổ cấp chỉ tiêu cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy năm học 2022-2023 đã được Giám đốc phê duyệt;

Xét đề nghị của trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ **1010** chỉ tiêu cấp học bổng khuyến khích học tập năm học 2022-2023 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Lãnh đạo các Khoa và các đơn vị thuộc Học viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.

GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

**DANH SÁCH CHỈ TIÊU CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
NĂM HỌC 2022-2023**

(Đính kèm Quyết định số: /QĐ-HVHK ngày tháng 06 năm 2023)

I. CHỈ TIÊU HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC KỲ I: 408 chỉ tiêu

TT	NGÀNH	KHÓA 2018	KHÓA 2019	KHÓA 2020	KHÓA 2021	KHÓA 2022	Tổng
A. Trình độ Cao đẳng:		0	0	21	23	15	59
1	Kiểm tra ANHK	0	0	5	5	3	13
2	Kỹ thuật BDCKTB	0	0	4	3	2	9
3	CNKT Điện tử truyền thông	0	0	1	1	0	2
4	Kiểm soát không lưu	0	0	3	3	2	8
5	Dịch vụ thương mại HK	0	0	8	11	8	27
B. Trình độ Đại học.		8	44	60	83	154	349
1	Quản trị DV DL&LH	0	0	0	0	12	12
2	CNKT Điện tử viễn thông	0	5	7	8	8	28
3	Kỹ thuật Hàng không	4	4	7	5	8	28
4	Kinh tế vận tải	0	0	0	0	15	15
5	Ngôn ngữ Anh	0	0	0	10	15	25
6	Quản trị nhân lực	0	0	0	0	10	10
7	Quản trị kinh doanh	0	32	42	37	35	146
8	CNKT điều khiển và tự động hóa	0	0	0	7	9	16
9	Công nghệ thông tin	0	0	0	10	28	38
10	CNKT Công trình xây dựng	0	0	0	0	2	2
11	Quản lý hoạt động bay	4	3	4	6	12	29
	Tổng cộng	8	44	81	106	169	408

II. CHỈ TIÊU HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC KỲ II: 337 chỉ tiêu

TT	NGÀNH	KHÓA 2019	KHÓA 2020	KHÓA 2021	KHÓA 2022	Tổng
A. Trình độ Cao đẳng:		0	2	19	13	34
1	Kiểm tra ANHK	0	0	4	3	7
2	Kỹ thuật BDCKTB	0	0	3	2	5
3	CNKT Điện tử truyền thông	0	0	1	0	1
4	Kiểm soát không lưu	0	2	2	2	6
5	Dịch vụ thương mại HK	0	0	9	6	15
B. Trình độ Đại học.		34	51	85	133	303
1	Quản trị DV DL&LH	0	0	0	10	10
2	CNKT Điện tử viễn thông	7	7	7	7	28
3	Kỹ thuật Hàng không	5	6	4	8	23
4	Kinh tế vận tải	0	0	0	13	13
5	Ngôn ngữ Anh	0	0	9	14	23
6	Quản trị nhân lực	0	0	0	10	10
7	Quản trị kinh doanh	18	34	45	28	125
8	CNKT điều khiển và tự động hóa	0	0	7	9	16
9	Công nghệ thông tin	0	0	9	23	32
10	CNKT Công trình xây dựng	0	0	0	2	2
11	Quản lý hoạt động bay	4	4	4	9	21
	Tổng cộng	34	53	104	146	337

III. CHỈ TIÊU HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC KỲ III: 265 chỉ tiêu

TT	NGÀNH	KHÓA 2019	KHÓA 2020	KHÓA 2021	KHÓA 2022	Tổng
A. Trình độ Cao đẳng:		0	0	18	7	25
1	Kiểm tra ANHK	0	0	5	0	5
2	Kỹ thuật BDCKTB	0	0	2	2	4
3	CNKT Điện tử truyền thông	0	0	2	0	2
4	Kiểm soát không lưu	0	0	3	1	4
5	Dịch vụ thương mại HK	0	0	6	4	10
B. Trình độ Đại học.		12	57	68	103	240
1	Quản trị DV DL&LH	0	0	0	8	8
2	CNKT Điện tử viễn thông	6	7	6	5	24
3	Kỹ thuật Hàng không	3	7	4	7	21
4	Kinh tế vận tải	0	0	0	9	9
5	Ngôn ngữ Anh	0	0	8	9	17
6	Quản trị nhân lực	0	0	0	8	8
7	Quản trị kinh doanh	0	38	31	24	93
8	CNKT điều khiển và tự động hóa	0	0	6	5	11
9	Công nghệ thông tin	0	0	10	22	32
10	CNKT Công trình xây dựng	0	0	0	1	1
11	Quản lý hoạt động bay	3	5	3	5	16
	Tổng cộng	12	57	86	110	265